

**Biểu 01 - DSX**

(Ban hành tại Thông tư số 01/2022/TT-BYT)

Ngày nhận b/c: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Số: 26.1.15.C-75T

Đơn vị báo cáo: Trạm Y tế Xã Bằng Cả

Đơn vị nhận báo cáo:

+ Trung tâm Y tế Thành phố Hạ Long

+ Ủy ban Nhân dân Xã Bằng Cả

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ CẤP XÃ**

THÁNG 4 NĂM 2024

| Tên chỉ tiêu                                | Toàn xã | Thôn 1 | Thôn 2 |
|---------------------------------------------|---------|--------|--------|
| 1. Tổng số trẻ sinh ra trong tháng          | 1       | 0      | 1      |
| Trong tổng số:                              |         |        |        |
| - Số trẻ em nam sinh ra                     | 1       | 0      | 1      |
| - Số trẻ em nữ sinh ra                      | 0       | 0      | 0      |
| - Số trẻ sinh ra là con thứ 2               | 1       | 0      | 1      |
| - Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên       | 0       | 0      | 0      |
| - Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi | 0       | 0      | 0      |
| 2. Số phụ nữ mang thai trong tháng          | 4       | 1      | 2      |
| 3. Số nữ đặt vòng TT mới trong tháng        | 0       | 0      | 0      |
| Trong đó: Số nữ thay vòng TT                | 0       | 0      | 0      |
| 4. Số nữ thôi sử dụng vòng TT trong tháng   | 0       | 0      | 0      |
| 5. Số nam mới triệt sản trong tháng         | 0       | 0      | 0      |
| 6. Số nữ mới triệt sản trong tháng          | 0       | 0      | 0      |
| 7. Số nữ mới cấy thuốc TT trong tháng       | 4       | 2      | 2      |
| Trong đó: thay que cấy TT                   | 1       | 1      | 0      |
| 8. Số nữ thôi sử dụng cấy TT trong tháng    | 0       | 0      | 0      |

**Cán bộ dân số cấp xã**

(ký và ghi rõ họ tên)

*Dương Thị Hải*

Bằng Cả, ngày 02 tháng 05 năm 2024

**TRẠM TRƯỞNG**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*Trương Văn Quý*

| Tên chỉ tiêu                                | Thôn 3 |
|---------------------------------------------|--------|
| 1. Tổng số trẻ sinh ra trong tháng          | 0      |
| Trong tổng số:                              |        |
| - Số trẻ em nam sinh ra                     | 0      |
| - Số trẻ em nữ sinh ra                      | 0      |
| - Số trẻ sinh ra là con thứ 2               | 0      |
| - Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên       | 0      |
| - Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi | 0      |
| 2. Số phụ nữ mang thai trong tháng          | 1      |
| 3. Số nữ đặt vòng TT mới trong tháng        | 0      |
| Trong đó: Số nữ thay vòng TT                | 0      |
| 4. Số nữ thôi sử dụng vòng TT trong tháng   | 0      |
| 5. Số nam mới triệt sản trong tháng         | 0      |
| 6. Số nữ mới triệt sản trong tháng          | 0      |
| 7. Số nữ mới cấy thuốc TT trong tháng       | 0      |
| Trong đó: thay que cấy TT                   | 0      |
| 8. Số nữ thôi sử dụng cấy TT trong tháng    | 0      |